

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
CỬ NHÂN NGÀNH: VIỆT NAM HỌC
MÃ SỐ: 7 31 06 30

GIỚI THIỆU CHUNG

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chương trình (Tiếng Việt/Tiếng Anh): Việt Nam học (Vietnamese Studies)
2. Trình độ đào tạo: Đại học
3. Ngành đào tạo (Tiếng Việt/Tiếng Anh): Việt Nam học (Vietnamese Studies)
4. Mã ngành đào tạo: 7310630
5. Hình thức đào tạo: Chính quy
6. Thời gian đào tạo chính khóa: 4 năm
7. Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
8. Tên bằng tốt nghiệp: Cử nhân
9. Khoa quản lý/đào tạo: Việt Nam học

II. GIỚI THIỆU

Việt Nam học là ngành học có thể giúp người học tìm hiểu, nghiên cứu về các lĩnh vực như ngôn ngữ, văn hoá, xã hội, con người,... Việt Nam, qua đó góp phần bảo tồn, phát triển di sản văn hoá của dân tộc. Ngành học trang bị cho người học những kỹ năng mềm ứng dụng thiết thực trong cuộc sống để hoạt động và công tác hiệu quả trong các lĩnh vực: văn hoá, xã hội, du lịch, báo chí, phát thanh - truyền hình, văn thư - lưu trữ,... và các lĩnh vực khác có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo. Qua quá trình đào tạo cho thấy sức mạnh và tiềm năng của chuyên ngành *Việt Nam học*, có khả năng phát triển và đổi mới phù hợp với xu thế phát triển của ngành giáo dục và nhu cầu của xã hội trong và ngoài nước.

III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu và kiến thức thực tế vững chắc cùng với các phương pháp nghiên cứu Việt Nam học, kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành và kỹ năng mềm để có thể tự học và học tiếp lên bậc cao hơn, giúp người học hoàn thiện và nâng cao năng lực làm việc trong thực tế, đáp ứng được yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao về Việt Nam học của thị trường lao động trong nước và quốc tế

2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Đào tạo cử nhân Việt Nam học có phẩm chất, có đạo đức nghề nghiệp, yêu nghề và tận tâm với nghề, biết hành động theo lẽ phải với tinh thần trách nhiệm và trung thực.

PO2: Đào tạo cử nhân Việt Nam học có năng lực tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, sáng tạo khi giải quyết vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống, có khả năng lãnh đạo và làm việc trong môi trường đa văn hóa.

PO3: Đào tạo cử nhân Việt Nam học có năng lực phổ biến kiến thức và phát triển tư duy khoa học, năng lực nghiên cứu khoa học và áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và thực tiễn chuyên môn nghề nghiệp, đồng thời duy trì khả năng học tập suốt đời

và thích ứng với thị trường lao động trong nước và quốc tế.

PO4: Đào tạo cử nhân Việt Nam học có năng lực chuyên môn vững vàng đáp ứng với thị trường lao động trong nước và quốc tế.

PO5: Đào tạo cử nhân Việt Nam học có khả năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin – truyền thông vào hoạt động phát triển nghề nghiệp.

IV. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo của cử nhân Việt Nam học đáp ứng các chuẩn đầu ra sau:

PLO1: Thể hiện được tinh thần yêu nước, có phẩm chất, có đạo đức nghề nghiệp, yêu nghề và tận tâm với nghề, thực hiện các nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm và trung thực để xây dựng uy tín cá nhân và tổ chức đồng thời đóng góp tích cực cho sự phát triển cộng đồng.

PLO2: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng cơ bản trong phán đoán và tự chủ chuyên môn để nhận diện và thích ứng được với sự thay đổi của nghề nghiệp và văn hóa – xã hội.

PLO3: Sử dụng được các kiến thức về khoa học xã hội – nhân văn và chuyên ngành để phát hiện và giải quyết sáng tạo các vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp, tham gia đóng góp vào các hoạt động cộng đồng nhằm thúc đẩy phát triển bền vững.

PLO4: Thực hiện tốt kỹ năng giao tiếp và hợp tác, kỹ năng lãnh đạo và làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và vận dụng tri thức để khởi nghiệp.

PLO5: Thực hiện được các hoạt động phổ biến kiến thức, giảng dạy các tri thức khoa học liên quan đến lĩnh vực Việt Nam học và phát triển tư duy khoa học.

PLO6: Nghiên cứu được những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn nghề nghiệp để ứng dụng vào hoạt động Việt Nam học.

PLO7: Nhận thức được tầm quan trọng của học tập suốt đời, tìm kiếm, cập nhật kiến thức mới và vận dụng chuyên môn để phát triển nghề nghiệp và thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu công việc, sẵn sàng thích ứng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

PLO8: Sử dụng các tri thức đại cương về Việt Nam học và liên ngành vào thực tiễn công việc của người lao động trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, du lịch.

PLO9: Vận dụng được các kiến thức Việt Nam học và liên ngành vào giải quyết những vấn đề cơ bản trong thực tiễn đời sống, dạy học, nghiên cứu.

PLO10: Phát hiện vấn đề, hình thành ý tưởng, triển khai nghiên cứu để giải quyết các vấn đề về Việt Nam học.

PLO11: Thực hiện được hoạt động nghiên cứu và ứng dụng lý thuyết trong học tập và hoạt động nghề nghiệp.

PLO12: Sử dụng được ngoại ngữ và công nghệ thông tin – truyền thông phục vụ cho hoạt động phát triển nghề nghiệp.

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN VIỆT NAM HỌC

Mã ngành: 7 31 06 30 [Việt Nam và Nước ngoài: Tổng 126 tín chỉ: 35/66/25]

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kì	Số tín chỉ	Số tiết				Số giờ tự học, tự nghiên cứu	Mã học phần/ số tín chỉ tiên quyết
					Lên lớp			Thực hành		
					Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận			
I	Khối học văn chung			35						
	Khối học văn chung toàn trường			25						
	Bắt buộc			23						
	Tư tưởng			11						
1	Triết học Mác - Lênin	PHIS 105	1	3	36	0	9	0	90	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	POLI 104	1	2	20	0	10	0	60	PHIS 105
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POLI 106	2	2	20	0	10	0	60	PHIS 105, POLI 104
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI 202	2	2	20	0	10	0	60	PHIS 105, POLI 104, POLI 106
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI 204	2	2	20	0	10	0	60	PHIS 105, POLI 104, POLI 106
Ngoại ngữ				6/24						
6	Tiếng Anh 1 A1A2/ A2B1	ENGL 103 ENGL 104	1	3	30	15	0	0	90	
6	Tiếng Pháp 1	FREN 104	1	3	30	15	0	0	90	
6	Tiếng Nga 1	RUSS 105	1	3	30	15	0	0	90	
6	Tiếng Trung 1	CHIN 105	1	3	32	13	0	0	90	
6	Tiếng Việt B2.1	VNSS 121		3	15	10	10	10	90	

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kì	Số tín chỉ	Số tiết				Số giờ tự học, tự nghiên cứu	Mã học phần/ số tín chỉ tiên quyết
					Lên lớp			Thực hành		
					Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận			
7	Tiếng Anh 2 A1A2/ A2B1	ENGL 105 ENGL 106	2	3	28	17	0	0	90	ENGL 105
7	Tiếng Pháp 2	FREN 106	2	3	30	15	0	0	90	FREN 101
7	Tiếng Nga 2	RUSS 106	2	3	30	15	0	0	90	RUSS 101
7	Tiếng Trung 2	CHIN 106	2	3	35	10	0	0	90	CHIN 105
7	Tiếng Việt B2.2	VNSS 122		3	15	10	10	10	90	VNSS 121
8	Tâm lí giáo dục học	PSYC 101	1	4	45	0	15	0	120	
9	Thống kê xã hội học	MATH 137	1	2					30	
	Tự chọn			2/6						
10	Tin học đại cương*	COMP 103	1	2	9,5	0	19,5	0	60	
10	Tiếng Việt thực hành*	COM M 106	1	2	10	0	20	0	60	
10	Nghệ thuật đại cương	COM M 107	1	2	15	0	15	0	60	
11	Giáo dục thể chất	PHYE 150	1	1	2	26	0	0	56	
		PHYE 151	2	1	2	26	0	0	56	
		PHYE 250	3	1	2	26	0	0	56	
		PHYE 251	4	1	2	26	0	0	56	
12	Giáo dục quốc phòng	DEFE 105		3	33	9	3		90	
		DEFE 106							60	
		DEFE 205		2	25	0	5		90	
		DEFE 206		3	30	0	15			
Khối học văn chung nhóm ngành				10						

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kì	Số tín chỉ	Số tiết				Số giờ tự học, tự nghiên cứu	Mã học phần/số tín chỉ tiên quyết
					Lên lớp			Thực hành		
					Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận			
13	Nhập môn Khoa học xã hội và nhân văn	COM M 103	1	2	20	0	10	0	60	
14	Nhân học đại cương	COM M 108	2	2	26	0	4	0	60	
15	Xã hội học đại cương	COM M 109	2	2	20	0	10	0	60	
16	Cơ sở văn hoá Việt Nam	COM M 105	1	2	18	0	12	0	60	
17	Lịch sử văn minh thế giới	COM M 110	2	2	22	0	8	0	60	
II	Khối học văn chuyên môn nghiệp vụ			25						
	Bắt buộc			15/5						
18	Kĩ năng thuyết trình và tạo lập văn bản	VNSS 411	7	3	22	8	15	0	90	
19	Thực tập chuyên môn	VNSS 495	8	6	5	10	5	70	180	
20	Thực tế Văn hoá và văn học dân gian	VNSS 130	2	1	2	2	2	9	30	
21	Thực tế Du lịch	VNSS 247	4	2	4	4	4	18	60	
22	Thực tế Báo chí - truyền thông	VNSS 328	6	3	5	10	5	25	90	
	Tự chọn			10/34/3						
23	Tổ chức và quản lí lễ hội, sự kiện	VNSS 435	5	3	34	5	6	0	90	
24	Văn hoá doanh nghiệp	VNSS 412	4	3	31	4	10	0	90	
25	Nghiệp vụ văn hoá	VNSS 329	4	4	25	10	25	0	120	
26	Nghiệp vụ báo chí 1	VNSS 326	5	3	22	10	13	0	90	
27	Nghiệp vụ báo chí 2	VNSS 433	6	3	24	6	15	0	90	
28	Quan hệ công chúng và truyền thông	VNSS 331	5	3	25	5	15	0	90	
29	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	VNSS 325	6	3	23	7	15	0	90	
30	Quản trị kinh doanh lễ hành	VNSS 429	5	3	29	10	6	0	90	

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kì	Số tín chỉ	Số tiết				Số giờ tự học, tự nghiên cứu	Mã học phần/ số tín chỉ tiên quyết
					Lên lớp			Thực hành		
					Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận			
31	Tiếng Việt du lịch	VNSS 211	6	3	15	10	20	0	90	
32	Tiếng Việt văn hoá	VNSS 212	5	3	30	5	10	0	90	
33	Tiếng Việt thương mại	VNSS 213	4	3	25	5	15	0	90	
III	Khối học văn chuyên ngành			66/18						
	Phần bắt buộc			44/14						
34	Nhập môn Việt Nam học	VNSS 132	3	2	22	3	5	0	60	
35	Địa lí Việt Nam	VNSS 127	3	4	35	10	15	0	120	
36	Lịch sử Việt Nam	VNSS 126	3	3	20	10	15	0	90	
37	Kinh tế Việt Nam	VNSS 427	4	2	22	0	8	0	60	
38	Danh nhân Việt Nam	VNSS 133	3	3	30	5	10	0	90	
39	Việt ngữ học	VNSS 239	4	3	30	5	10	0	90	
40	Ngôn ngữ báo chí	VNSS 232	5	4	43	7	10	0	120	
41	Các tộc người ở Việt Nam	VNSS 246	4	3	33	2	10	0	90	
42	Gia đình, dòng họ, làng xã Việt Nam	VNSS 330	6	3	40	0	5	0	90	
43	Tôn giáo, tín ngưỡng và phong tục, tập quán Việt Nam	VNSS 327	2	4	45,5	4,5	10	0	120	
44	Làng nghề Việt Nam	VNSS 309	6	3	23	10	12	0	90	
45	Văn hoá dân gian Việt Nam	VNSS 124	3	3	32	3	10	0	90	
46	Tiến trình văn học Việt Nam	VNSS 332	6	4	44	6	10	0	120	
47	Di sản văn hóa Việt Nam	VNSS 333	7	3	26	9	10	0	90	
	Phần tự chọn			22/76/7						
48	Lí thuyết nghiên cứu văn hoá	VNSS 311	5	3	37	3	5	0	90	

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kì	Số tín chỉ	Số tiết				Số giờ tự học, tự nghiên cứu	Mã học phần/ số tín chỉ tiên quyết
					Lên lớp			Thực hành		
					Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận			
49	Lí thuyết truyền thông	VNSS 251	7	3	33	2	10	0	90	
50	Văn hoá phương Đông	VNSS 310	5	3	33	2	10	0	90	
51	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	VNSS 231	4	3	30	5	10	0	90	
52	Từ Hán Việt: Lí thuyết và thực hành	VNSS 210	4	2	24	2	4	0	60	
53	Nhà nước và pháp luật	VNSS 334	6	3	29	6	10	0	90	
54	Ngoại giao Việt Nam	VNSS 421	7	3	20	10	15	0	90	
55	Các vùng văn hoá Việt Nam	VNSS 422	7	3	25	5	15	0	90	
56	Di sản và quản lí di sản văn hóa Hán Nôm	VNSS 214	4	3	30	5	10	0	90	
57	Đô thị Việt Nam	VNSS 423	7	3	31	4	10	0	90	
58	Trang phục và ẩm thực Việt Nam	VNSS 335	6	3	34	5	6	0	90	
59	Lịch sử, văn hoá, con người Hà Nội	VNSS 319	6	3	31	4	10	0	90	
60	Tổ chức lãnh thổ du lịch	VNSS 220	4	3	25	5	15	0	90	
61	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	VNSS 221	5	3	30	5	10	0	90	
62	Tác phẩm báo chí	VNSS 336	6	3	22	10	13	0	90	
63	Tâm lí học du lịch	VNSS 337	6	3	30	5	10	0	90	
64	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	VNSS 248	5	3	30	5	10	0	90	
65	Thưởng thức phim ảnh Việt Nam	VNSS 222	4	3	30	5	10	0	90	
66	Phương ngữ Việt Nam	VNSS 223	4	3	30	5	10	0	90	
67	Tiếng Việt pháp luật	VNSS 424	7	3	17,5	7,5	20	0	90	
68	Tiếng Việt hành chính	VNSS 338	6	4	37	10	13	0	120	

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kì	Số tín chỉ	Số tiết				Số giờ tự học, tự nghiên cứu	Mã học phần/ số tín chỉ tiên quyết
					Lên lớp			Thực hành		
					Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận			
69	Độc tác phẩm văn học	VNSS 339	5	3	35	5	5	0	90	
70	Phương pháp dạy tiếng Việt cho người nước ngoài	VNSS 340	6	3	30	5	10	0	90	
71	Phương pháp NCKH và Khởi nghiệp		4	3	25	10	10	0	90	
72	Khoá luận	VNSS 488	8	6	Tương đương hai chuyên đề tự chọn					
73	Chuyên đề 1: Biểu tượng văn hoá Việt Nam	VNSS 454	8	3	30	5	10	0	90	
74	Chuyên đề 2: Văn hoá và phát triển	VNSS 455	8	3	35	5	5	0	90	
75	Chuyên đề 3: Ngữ dụng học tiếng Việt	VNSS 456	8	3	33	2	10	0	90	

MA TRẬN ĐÁP ỨNG GIỮA HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Học phần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Triết học Mac - Lênin	x	x		x								
2	Kinh tế chính trị học Mac – Lênin	x	x		x								
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x		x								
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x		x								
5	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	x	x		x								
6	Tiếng Anh 1 A1A2/ A2B1			x	x								x
6	Tiếng Pháp 1			x	x								x
6	Tiếng Nga 1			x	x								x
6	Tiếng Trung 1			x	x								x
6	Tiếng Việt B2.1			x	x								x
7	Tiếng Anh 2 A1A2/ A2B1			x	x								x
7	Tiếng Pháp 2			x	x								x
7	Tiếng Nga 2			x	x								x
7	Tiếng Trung 2			x	x								x
7	Tiếng Việt B2.2			x	x								x
8	Tâm lý học giáo dục		x			x							x

9	Thống kê khoa học xã hội		x										x
10	Tiếng Việt thực hành*		x	x									
10	Tin học đại cương*			x									x
10	Nghệ thuật học đại cương*	x	x										
11	Cơ sở văn hóa Việt Nam	x	x										
12	Nhập môn khoa học xã hội và nhân văn	x	x										
13	Lịch sử văn minh Thế giới	x	x										
14	Xã hội học đại cương	x	x										
15	Nhân học đại cương	x	x										
16	Kỹ năng thuyết trình và tạo lập VB Tiếng Việt				x			x				x	
17	Thực tập chuyên môn				x			x	x			x	
18	Thực tế Văn hóa và văn học dân gian						x					x	
19	Thực tế Du lịch						x					x	
20	Thực tế Báo chí – truyền thông						x					x	
21	Tổ chức lễ hội và sự kiện*		x	x								x	
22	Văn hóa doanh nghiệp*		x	x						x			
23	Nghệ vụ văn hóa*		x		x					x			
24	Nghệ vụ báo chí 1*		x	x						x			
25	Nghệ vụ báo chí 2*			x	x					x			
26	Quan hệ công chúng và truyền thông*				x		x			x			
27	Nghệ vụ hướng dẫn du lịch*			x			x			x			
28	Quản trị kinh doanh lễ hành*		x				x			x			
29	Tiếng Việt du lịch*								x	x			x
30	Tiếng Việt văn hóa*								x		x		x
31	Tiếng Việt thương mại*								x		x		x
32	Nhập môn Việt Nam học					x		x	x				
33	Địa lý Việt Nam	x							x			x	
34	Lịch sử Việt Nam	x							x			x	
35	Kinh tế Việt Nam								x	x			
36	Danh nhân Việt Nam	x						x		x			
37	Việt ngữ học		x					x				x	
38	Ngôn ngữ báo chí*						x			x	x		
39	Các tộc người ở Việt Nam	x						x			x		
40	Gia đình, dòng họ, làng xã Việt Nam						x	x				x	
41	Tôn giáo, tín ngưỡng và phong tục, tập quán Việt Nam	x							x		x		
42	Làng nghề Việt Nam							x			x	x	
43	Văn hóa dân gian Việt Nam	x			x		x						
44	Tiến trình văn học Việt Nam							x		x	x		

45	Di sản Văn hóa Việt Nam	x					x					x	
46	Lý thuyết nghiên cứu văn hóa*			x						x		x	
47	Lý thuyết truyền thông*			x			x			x			
48	Văn hóa phương Đông*						x		x		x		
49	Lịch sử tư tưởng Việt Nam*						x		x		x		
50	Từ Hán Việt: Lý thuyết và thực hành*					x	x						x
51	Nhà nước và pháp luật*		x				x				x		
52	Ngoại giao Việt Nam*			x				x		x			
53	Các vùng văn hóa Việt Nam*	x		x				x					
54	Di sản và quản lý di sản Hán Nôm*						x		x			x	
55	Đô thị Việt Nam*		x					x			x		
56	Trang phục và ẩm thực Việt Nam*				x			x				x	
57	Lịch sử, văn hóa, con người Hà Nội*	x			x							x	
58	Tổ chức lãnh thổ du lịch*		x						x		x		
59	Tuyến điểm du lịch Việt Nam*							x	x		x		
60	Tác phẩm báo chí*						x		x				x
61	Tâm lý học du lịch*							x			x	x	
62	Truyền thông xã hội và mạng xã hội*				x		x			x			
63	Thuởng thức phim ảnh Việt Nam*								x		x		x
64	Phương ngữ Việt Nam*							x		x	x		
65	Tiếng Việt pháp luật*								x	x			x
66	Tiếng Việt hành chính*								x		x		x
67	Đọc tác phẩm văn học*							x		x	x		
68	Phương pháp dạy tiếng Việt cho người nước ngoài*					x		x		x			
69	Phương pháp NCKH và Khởi nghiệp*							x		x		x	
70	Chuyên đề 1: Biểu tượng văn hóa Việt Nam						x				x	x	
71	Chuyên đề 2: Văn hóa và phát triển							x	x		x		
72	Chuyên đề 3: Ngữ dụng học tiếng Việt						x		x			x	
73	Khóa luận						x	x	x		x	x	

SƠ ĐỒ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO

HỌC KỲ 1			HỌC KỲ 2		
NĂM THỨ 1			NĂM THỨ 2		
Triết học Mác – Lênin	3	Tôn giáo, tín ngưỡng và phong tục, tập quán Việt Nam	4	Tổ chức lễ hội và sự kiện*	3
Kinh tế chính trị	2	Giáo dục thể chất 3	1	Nghệ vụ báo chí 1*	3
Ngoại ngữ 1	3	Nhập môn Việt Nam học	2	Quan hệ công chúng và truyền thông*	3
Tâm lí học giáo dục	4	Địa lý Việt Nam	4	Quản trị kinh doanh lễ hành*	3
Thống kê xã hội học	2	Lịch sử Việt Nam	3	Tiếng Việt văn hóa*	3
Tin học đại cương*	2	Danh nhân Việt Nam	3	Ngôn ngữ báo chí*	3
Tiếng Việt thực hành*	2	Văn hóa dân gian Việt Nam	3	Lý thuyết nghiên cứu văn hóa*	3
Nghệ thuật đại cương*	2			Văn hóa phương Đông*	3
Giáo dục thể chất 1	1			Làng nghề Việt Nam	3
Nhập môn KH xã hội và nhân văn	2			Truyền thông xã hội và mạng xã hội*	3
Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			Độc tác phẩm văn học*	3
NĂM THỨ 3			NĂM THỨ 4		
Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Giáo dục thể chất 4	1	Nghệ vụ báo chí 2*	3
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Thực tế Du lịch	2	Nghệ vụ hướng dẫn du lịch*	3
Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Văn hóa doanh nghiệp*	3	Tiếng Việt du lịch*	2
Ngoại ngữ 2	3	Nghệ vụ văn hóa*	4	Gia đình, dòng họ, làng xã Việt Nam	3
Giáo dục thể chất 2	1	Tiếng Việt thương mại*	3	Tiến trình văn học Việt Nam	3
Nhân học đại cương	2	Kinh tế Việt Nam	2	Nhà nước và pháp luật*	3
Xã hội học đại cương	2	Việt ngữ học	3	Trang phục và ẩm thực Việt Nam*	3
Lịch sử văn minh thế giới	2	Các tộc người ở Việt Nam	3	Tuyển điểm du lịch Việt Nam*	3
Thực tế Văn hóa và văn học dân gian	1	Di sản và quản lý di sản Hán Nôm*	3	Lịch sử, văn hóa, con người Hà Nội*	3
		Lịch sử tư tưởng Việt Nam*	3	Tác phẩm báo chí*	3
		Từ HV: Lý thuyết và thực hành*	3	Tâm lý học du lịch*	3
		Tổ chức lãnh thổ du lịch*	3	Tiếng Việt hành chính*	3
		Thương thức phim ảnh Việt Nam*	3	Phương pháp dạy tiếng Việt cho người nước ngoài*	3
		Phương ngữ Việt Nam*	3		
		Ngôn ngữ báo chí*	4		
		Phương pháp NCKH và Khởi nghiệp	3		

Ghi chú: * : Các học phần tự chọn

MA TRẬN TÍCH HỢP HỌC PHẦN VỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP

I. Mã số phân loại phương pháp giảng dạy:

1. Thuyết trình
2. Thảo luận nhóm
3. Dạy học tình huống
4. Đóng vai
5. Động não
6. Dự án
7. Trò chơi
8. Sơ đồ tư duy
9. Hướng dẫn trực tiếp
10. Dạy học giải quyết vấn đề
11. Video, clip
12. Tranh biện
13. Dạy học trực tuyến
14. Hướng dẫn tự học

II. Mã số phân loại phương pháp học tập:

1. Giải quyết vấn đề
2. Thảo luận nhóm
3. Thuyết trình
4. Thực hành trực tiếp
5. Tự học

STT	Học phần	Phương pháp giảng dạy														Phương pháp học tập				
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	1	2	3	4	5
1	Triết học Mac - Lênin	x								x	x				X		x			x
2	Kinh tế chính trị học Mac – Lênin	x								x	x				X		x			x
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x								x	x				X		x			x
4	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	x								x	x				X		x			x
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x								x	x				X		x			x
6.1	Tiếng Anh 1	x								x	x				X		x		X	x
6.2	Tiếng Pháp 1	x								x	x				X		x		X	x
6.3	Tiếng Nga 1	x								x	x				X		x		X	x
6.4	Tiếng Trung 1	x								x	x				X		x		X	x
6.5	Tiếng Việt B2.1	x	x											x	x		x	x		x
7.1	Tiếng Anh 2	x								x	x				x		x		X	x
7.2	Tiếng Pháp 2	x	x														x		X	x
7.3	Tiếng Nga 2	x	x	x						x	x						x			x
7.4	Tiếng Trung 2	x	x								x				X		x	x	X	x
7.5	Tiếng Việt B2.2	x	x				x								x	x	x	x		x

STT	Học phần	Phương pháp giảng dạy														Phương pháp học tập				
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	1	2	3	4	5
8	Tâm lý học giáo dục	x								x	x			x	x	x	x			x
9	Thống kê khoa học xã hội	x	x							x				x	x			x	X	x
10.1	Tiếng Việt thực hành	x	x											x	x					x
10.2	Tin học đại cương	x	x	x						x				x				x		x
10.3	Nghệ thuật học đại cương	x								x	x			x	x	x	x			x
11	Cơ sở văn hóa Việt Nam	x	x	x							x			x	x			x		x
12	Nhập môn khoa học xã hội và nhân văn	x														x	x			x
13	Lịch sử văn minh Thế giới	x	x											x	x		x	x		x
14	Nhân học đại cương	x	x				x				x				x	x	x	x		x
15	Nhập môn Việt Nam học	x	x			x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
16	Địa lý Việt Nam	x	x				x				x				x	x	x	x		x
17	Lịch sử Việt Nam	x	x			x		x		x	x	x		x	x	x	x	x		x
18	Kinh tế Việt Nam	x	x	x					x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
19	Danh nhân Việt Nam	x	x	x			x				x	x		x	x	x	x	x	x	x
20	Việt ngữ học	x	x				x								x	x	x	x		x
21	Ngôn ngữ báo chí*	x	x			x		x		x	x	x		x	x	x	x	x		x
22	Các tộc người ở Việt Nam	x	x			x		x		x	x	x		x	x	x	x	x		x
23	Gia đình, dòng họ, làng xã Việt Nam	x	x			x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
24	Tôn giáo, tín ngưỡng và phong tục, tập quán Việt Nam	x	x			x		x		x	x	x		x	x	x	x	x		x
25	Làng nghề Việt Nam	x	x			x		x		x	x	x		x	x	x	x	x		x
26	Văn hóa dân gian Việt Nam	x	x											x	x		x	x		x
27	Tiến trình văn học Việt Nam	x	x			x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

STT	Học phần	Phương pháp giảng dạy														Phương pháp học tập				
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	1	2	3	4	5
29	Di sản Văn hóa Việt Nam	x	x	x			x				x	x		x	x	x	x	x	x	x
30	Lý thuyết nghiên cứu văn hóa*	x	x			x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
31	Lý thuyết truyền thông*	x	x			x	x			x	x	x	X	x	x	x	x	x		x
32	Văn hóa phương Đông*	x	x			x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
33	Lịch sử tư tưởng Việt Nam*	x	x											x	x		x	x		x
34	Từ Hán Việt: Lý thuyết và thực hành*	x	x			x	x			x	x	x	X	x	x	x	x	x		x
35	Nhà nước và pháp luật*	x	x			x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
36	Ngoại giao Việt Nam*	x	x				x				x				x	x	x	x		x
37	Các vùng văn hóa Việt Nam*	x	x			x				x	x	x		x	x	x	x	x		x
38	Di sản và quản lý di sản Hán Nôm *	x		x		x	x				x	x				x	x	x		x
39	Đô thị Việt Nam*	x		x		x	x				x	x				x	x	x		x
40	Trang phục và ẩm thực Việt Nam*	x	x				x				x				x	x	x	x		x
41	Lịch sử, văn hóa, con người Hà Nội*	x	x				x			x	x				x	x	x	x		x
42	Tổ chức lãnh thổ du lịch*	x	x											x	x		x	x		x
43	Tuyến điểm du lịch Việt Nam*	x	x	x	x			x			x	x		x	x	x	x	x		x
44	Tác phẩm báo chí*	x	x											x	x		x	x		x
45	Tâm lý học du lịch*	x	x			x	x			x	x	x	X	x	x	x	x	x		x
46	Truyền thông xã hội và mạng xã hội*	x	x				x				x			x	x	x	x	x		x
47	Thưởng thức phim ảnh Việt Nam*	x	x											x	x		x	x		x
48	Phương ngữ Việt Nam*	x		x		x	x				x	x				x	x	x		x

STT	Học phần	Phương pháp giảng dạy														Phương pháp học tập				
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	1	2	3	4	5
49	Tiếng Việt pháp luật*	x	x											x	x		x	x		x
50	Tiếng Việt hành chính*	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
51	Độc tác phẩm văn học*	x	x											x	x		x	x		x
52	Phương pháp dạy tiếng Việt cho người nước ngoài*	x	x											x	x		x	x		x
53	Thực tập chuyên môn	x	x											x	x		x	x		x
54	Thực tế Văn hóa và văn học dân gian	x	x											x	x		x	x		x
55	Thực tế Du lịch	x		x		x	x				x	x				x	x	x		x
56	Thực tế Báo chí – truyền thông	x		x		x	x				x	x				x	x	x		x
57	Tổ chức lễ hội và sự kiện*	x		x	x	x							x	x		x		x		
58	Văn hóa doanh nghiệp*	x		x		X	x				x	x				x	x	x		x
59	Nghệ thuật văn hóa*	x	x	x			x				x	x		x	x	x	x	x	x	x
60	Nghệ thuật báo chí 1*	x		x		X	x				x	x				x	x	x		x
61	Nghệ thuật báo chí 2*	x	x	x	x	x				x	x				x	x	x	x	x	x
62	Quan hệ công chúng và truyền thông*		x	x		x	x			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
63	Nghệ thuật hướng dẫn du lịch*	x	x	x	x					x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
64	Quản trị kinh doanh lễ hành*				x	x						x		x	x		x	x	x	x
65	Tiếng Việt du lịch*	x	x	x	x			x		x	x	x			x	x	x	x	x	x
66	Tiếng Việt văn hóa*	x	x	x	x				x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
67	Tiếng Việt thương mại*	x	x	x	x			x		x		x	x		x	x	x	x	x	x
68	Kỹ năng thuyết trình và tạo lập văn bản tiếng Việt	x	x	x	x			x		x		x	x		x	x	x	x	x	x

STT	Học phần	Phương pháp giảng dạy														Phương pháp học tập				
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	1	2	3	4	5
69	Phương pháp NCKH và Khởi nghiệp	x	x	x	x			x		x		x	x		x	x	x	x	x	x
70	CĐ 1: Biểu tượng văn hóa Việt Nam	x	x							x	x				x	x	x	x	x	x
71	CĐ2: Văn hóa và phát triển	x								x	x				x		x			x
72	CĐ3: Ngữ dụng học tiếng Việt	x								x	x				x		x			x
73	Khóa luận tốt nghiệp	x								x	x				x	x		x	x	x

MA TRẬN TÍCH HỢP HỌC PHẦN VỚI PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ CỦA HỌC PHẦN

Mã số phân loại phương pháp kiểm tra, đánh giá:

I. Đánh giá thường xuyên:

1. Chuyên cần
2. Thảo luận
3. Bài tập

II. Kiểm tra giữa kỳ

1. Tự luận
2. Đánh giá của cơ sở
3. Truyền thông
4. Tiểu luận
5. Trắc nghiệm
6. Tranh biện
7. Thuyết trình
8. Đóng vai
9. Vấn đáp

III. Kiểm tra cuối kỳ

1. Tự luận
2. Tiểu luận
3. Trắc nghiệm
4. Vấn đáp
5. Báo cáo
6. Video
7. Thực hành

STT	Học phần	Phương pháp đánh giá																		
		Đánh giá thường xuyên			Kiểm tra giữa kỳ									Kiểm tra cuối kỳ						
		1	2	3	1	2	3	4	5	6	7	8	9	1	2	3	4	5	6	7
1	Triết học Mac - Lênin	x	x	x	x									x						
2	Kinh tế chính trị học Mac – Lênin	x	x	x	x									x						
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x	x	x									x						
4	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	x	x	x	x									x						
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x	x	x									x						
6.1	Tiếng Anh 1	x		x					x							x				
6.2	Tiếng Pháp 1	x		x					x							x				
6.3	Tiếng Nga 1	x		x					x							x				
6.4	Tiếng Trung 1				x				x							x				

STT	Học phần	Phương pháp đánh giá																		
		Đánh giá thường xuyên			Kiểm tra giữa kỳ									Kiểm tra cuối kỳ						
		1	2	3	1	2	3	4	5	6	7	8	9	1	2	3	4	5	6	7
6.5	Tiếng Việt B2.1	x	x	x	x					x		x		x	x		x	x		
7.1	Tiếng Pháp 2	x		x					x							x				
7.2	Tiếng Pháp 2	x		x					x							x				
7.3	Tiếng Nga 2	x		x	x				x							x				
7.4	Tiếng Trung 2	x		x	x									x						
7.5	Tiếng Việt B2.2	x	x	x	x					x		x		x			x	x		
8	Tâm lý học giáo dục	x			x	x									x					
9	Thống kê khoa học xã hội	x	x	x	x					x							x			
10	Tiếng Việt thực hành	x			x	x				x					x		x			
10	Tin học đại cương	x	x	x						x										x
10	Nghệ thuật học đại cương	x	x	x																
11	Cơ sở văn hóa Việt Nam	x			x	x									x					
12	Nhập môn khoa học xã hội và nhân văn	x			x	x									x					
13	Lịch sử văn minh Thế giới	x	x	x	x										x					
14	Nhân học đại cương																			
15	Nhập môn Việt Nam học	x	x	x	x							x		x	x				x	
16	Địa lý Việt Nam	x	x			x					x	x	x	x		x	x		x	
17	Lịch sử Việt Nam	x	x	x		x					x			x		x				
18	Kinh tế Việt Nam	x	x			x					x	x	x	x		x	x		x	
19	Danh nhân Việt Nam	x	x	x	x				x	x			x	x		x	x		x	x
20	Việt ngữ học	x	x	x									x			x				

STT	Học phần	Phương pháp đánh giá																		
		Đánh giá thường xuyên			Kiểm tra giữa kỳ									Kiểm tra cuối kỳ						
		1	2	3	1	2	3	4	5	6	7	8	9	1	2	3	4	5	6	7
21	Ngôn ngữ báo chí*	x	x	x	x		x	x			x			x	x				x	x
22	Các tộc người ở Việt Nam	x	x	x	x						x			x	x					
23	Gia đình, dòng họ, làng xã Việt Nam	x	x	x	x			x	x		x	x		x	x		x	x	x	
24	Tôn giáo, tín ngưỡng và phong tục, tập quán Việt Nam	x	x	x	x			x	x		x	x		x	x		x	x	x	
25	Làng nghề Việt Nam	x	x	x	x			x						x	x					
27	Văn hóa dân gian Việt Nam	x	x	x	x			x	x		x	x		x	x		x	x	x	
28	Tiến trình văn học Việt Nam	x	x	x	x			x	x		x	x		x	x		x	x	x	
29	Di sản Văn hóa Việt Nam	x	x	x	x						x		x	x				x		
30	Lý thuyết nghiên cứu văn hóa*	x	x	x	x			x						x	x					
31	Lý thuyết truyền thông*	x	x	x	x		x	x			x			x	x				x	x
32	Văn hóa phương Đông*	x	x	x	x			x						x	x					
33	Lịch sử tư tưởng Việt Nam*	x	x	x	x				x		x			x						
34	Từ Hán Việt: Lý thuyết và thực hành*	x	x	x	x			x						x	x					
35	Nhà nước và pháp luật*	x	x	x	x						x		x	x				x		
36	Ngoại giao Việt Nam*	x	x	x	x				x		x			x						
37	Các vùng văn hóa Việt Nam*	x	x	x	x			x						x	x					
38	Di sản và quản lý di sản Hán Nôm *	x	x		x				x	x	x	x		x	x		x			

STT	Học phần	Phương pháp đánh giá																		
		Đánh giá thường xuyên			Kiểm tra giữa kỳ									Kiểm tra cuối kỳ						
		1	2	3	1	2	3	4	5	6	7	8	9	1	2	3	4	5	6	7
39	Đô thị Việt Nam*	x	x	x	x			x			x	x		x	x	x		x	x	
40	Trang phục và ẩm thực Việt Nam*					x	x			x				x			x		x	x
41	Lịch sử, văn hóa, con người Hà Nội*					x	x			x				x			x		x	X
42	Tổ chức lãnh thổ du lịch*	x	x		x				x	x	x	x		x	x		x			
43	Tuyển điểm du lịch Việt Nam*	x	x		x				x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
44	Tác phẩm báo chí*	x	x	x	x						x		x	x				x		
45	Tâm lý học du lịch*	x	x	x	x			x	x		x	x		x	x	x		x	x	
46	Truyền thông xã hội và mạng xã hội*	x	x	x	x						x		x	x				x		
47	Thưởng thức phim ảnh Việt Nam*	x	x	x	x				x		x			x			x		x	X
48	Phương ngữ Việt Nam*	x	x	x	x			x			x			x	x					
49	Tiếng Việt pháp luật*	x	x	x	x						x		x	x				x		
50	Tiếng Việt hành chính*					x	x			x				x			x		x	X
51	Đọc tác phẩm văn học*	x	x	x	x						x		x	x				x		
52	Phương pháp dạy tiếng Việt cho người nước ngoài*	x	x	x							x	x		x	x					
53	Thực tập chuyên môn	x	x	x	x						x		x	x				x		
54	Thực tế Văn hóa và văn học dân gian	x	x	x	x						x		x	x				x		
55	Thực tế Du lịch	x	x	x	x						x		x	x				x		

STT	Học phần	Phương pháp đánh giá																			
		Đánh giá thường xuyên			Kiểm tra giữa kỳ									Kiểm tra cuối kỳ							
		1	2	3	1	2	3	4	5	6	7	8	9	1	2	3	4	5	6	7	
56	Thực tế Báo chí – truyền thông	x	x	x	x							x		x	x				x		
57	Tổ chức lễ hội và sự kiện*						x	x				x			x			x		x	x
58	Văn hóa doanh nghiệp*						x	x				x			x			x		x	x
59	Nghệ thuật văn hóa*	x	x		x								x		x						
60	Nghệ thuật báo chí 1*						x	x				x			x			x		x	x
61	Nghệ thuật báo chí 2*	x	x	x	x			x	x				x			x	x			x	x
62	Quan hệ công chúng và truyền thông*						x	x				x			x			x		x	x
63	Nghệ thuật hướng dẫn du lịch*	x	x	x									x	x	x			x	x		
64	Quản trị kinh doanh lễ hành*	x	x	x					x				x			x			x		
65	Tiếng Việt du lịch*	x	x	x									x			x		x			
66	Tiếng Việt văn hóa*	x	x	x	x								x			x	x				
67	Tiếng Việt thương mại*	x	x	x	x				x	x			x			x	x	x	x		
68	Kỹ năng thuyết trình và tạo lập văn bản tiếng Việt	x	x	x	x								x	x				x			
69	Phương pháp NCKH và Khởi nghiệp	x	x	x	x					x			x			x		x	x		
70	CD 1: Biểu tượng văn hóa Việt Nam	x	x	x	x								x			x				x	
71	CD2: Văn hóa và phát triển	x	x	x	x								x			x	x				
72	CD3: Ngữ dụng học tiếng Việt	x	x	x	x				x							x	x				

STT	Học phần	Phương pháp đánh giá																		
		Đánh giá thường xuyên			Kiểm tra giữa kỳ									Kiểm tra cuối kỳ						
		1	2	3	1	2	3	4	5	6	7	8	9	1	2	3	4	5	6	7
73	Khóa luận tốt nghiệp																	x		